

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DSST  
Ngày 08-5-2020  
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Đặng Văn Khoái;

2- Bà Bùi Thu Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Quang H, ông Lương Minh T và ông Nguyễn Hoàng L, đều là cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Theo văn bản ủy quyền số 5004/2019/UQ-VPB ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V); vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị Trịnh Thị M, trú tại: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ngày 27 tháng 2 năm 2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là V) ký kết hợp đồng tín dụng với chị Trịnh Thị M theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201802/231004 số hợp đồng LD1807501459 với nội dung: V cho chị M vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 33%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01 tháng 10 năm 2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 25%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả bằng 10%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ. Phương thức cho vay trả gốc lãi hàng tháng, số tiền phải trả hàng tháng là 2.208.015 đồng và trả vào ngày 16 hàng tháng; mục đích vay tiêu dùng, biện pháp đảm bảo tiền vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 V thực hiện nghĩa vụ giải ngân vào tài khoản cho chị M mở tại V số tiền vay. Chị M đã thanh toán phí mua bảo hiểm tín dụng là 1.659.961 đồng, tiền thuế (VAT) và số tiền phí. Ngày 19 tháng 3 năm 2018 chị M lĩnh tiền từ tài khoản V là 48.260.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng chị M trả được 01 kỳ cho V số tiền là 2.208.015 đồng. Trong đó số tiền gốc là 806.645đ (tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và số tiền lãi là 1.401.370đ (một triệu bốn trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) vào ngày 15 tháng 5 năm 2018. Sau đó chị M không tiếp tục trả nợ cho V theo như thỏa thuận của hợp đồng, V đã nhiều lần đôn đốc, làm việc với chị M nhưng chị M không tiếp tục trả nợ cho V. Chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V, khoản vay bị chuyển nợ quá hạn.

Nay V yêu cầu chị M phải thanh toán số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2020 là 104.246.523đ (một trăm linh bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi ba đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 49.193.355đ (bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), tiền nợ lãi là 49.528.772đ (bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm bảy

mười hai đồng); trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 1.334.285đ (một triệu ba trăm ba mươi tư nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 49.528.772 - 1.334.285 = 48.194.487đ (bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng) và tiền lãi phạt chậm trả là 5.524.396đ (năm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Bị đơn là chị Trịnh Thị M, tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập đến tòa án để trình bày ý kiến nhưng chị M không đến tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số LD1807501459 ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa V với chị Trịnh Thị M là đúng pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của V là có căn cứ cần chấp nhận. Căn cứ Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V buộc chị Trịnh Thị M phải trả cho V tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2020 là 104.246.523 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là 49.193.355đ (bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng); tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 49.528.772đ (bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng) và phạt chậm trả lãi là 5.524.396đ (năm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng). Chị M tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh từ ngày xét xử cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là V và bị đơn là chị Trịnh Thị M. Tranh chấp phát sinh

giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện An Lão đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo quy định của pháp luật đối với bị đơn là chị M nhưng chị M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: V yêu cầu bị đơn chị Trịnh Thị M phải trả số tiền gốc còn nợ là 49.193.355đ (bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), tiền nợ lãi là 49.528.772 đồng trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 1.334.285 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.194.487 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 5.524.396 đồng. Xét hợp đồng tín dụng số LD1807501459 ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa V với chị M được ký kết đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 121, Điều 122 Bộ luật Dân sự khi giao kết hợp đồng. Do vậy đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn là V đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, nguyên đơn thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Chị M đã nhận đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), trong quá trình thực hiện hợp đồng chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, nay V yêu cầu chị M trả nợ theo hợp đồng tín dụng đến nay số tiền gốc là 49.193.355 đồng. Về lãi suất: Giữa V và chị M thỏa thuận vay tiền theo hợp đồng tín dụng với lãi suất vay là 33%/năm, chị M chưa thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận. Cụ thể số tiền lãi trong hạn tính đến ngày xét xử (ngày 08 tháng 5 năm 2020, có bảng tính lãi của V kèm theo) như hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến ngày 15 tháng 5 năm 2018 là 1.334.285 đồng, lãi quá hạn từ ngày 16 tháng 5 năm 2018 đến ngày 08 tháng 5 năm 2020 là 48.194.487 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 5.524.396 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi đến nay chị M chưa trả cho V là 104.246.523 đồng.

[4] Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Theo quy định tại Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với hợp đồng vay tài sản thì khi đến hạn trả thì bên vay phải hoàn trả lại tài sản cho bên cho vay. V yêu cầu chị M phải trả số tiền gốc còn lại và các khoản lãi như trên là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận nên V không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Bị đơn là chị Trịnh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho V, cụ thể là:  $104.246.523đ \times 5\% = 5.212.326$  đồng làm tròn số là 5.212.000đ (năm triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 275, Điều 280, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc chị Trịnh Thị M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 104.246.523đ (một trăm linh bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi ba đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 49.193.355đ (bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng); tiền nợ lãi trong hạn là 1.334.285đ (một triệu ba trăm ba mươi tư nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 48.194.487đ (bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng) và tiền phạt chậm trả lãi là 5.524.396đ (năm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Chị Trịnh Thị M phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1807501459 ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và chị Trịnh Thị M.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần

V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.212.000đ (năm triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0017439 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo đúng quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và chị Trịnh Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hải**

